

BÀN VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

On the position and role of the private sector in the period of transition to socialism in Vietnam

BÙI QUANG TUẤN
LÝ HOÀNG MAI

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua gần 40 năm Đổi mới, kinh tế tư nhân ngày càng thể hiện được vai trò quan trọng của mình trong nền kinh tế như số lượng và quy mô gia tăng, đóng góp lớn cho GDP, tạo việc làm cho xã hội và bước đầu đã hình thành một số tập đoàn lớn. Tuy nhiên, hiện nay kinh tế tư nhân vẫn phát triển dưới mức tiềm năng, vẫn còn nhiều rào cản ngăn cản sự phát triển của thành phần này. Bài viết này phân tích vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đề xuất một số quan điểm để nâng cao vai trò của kinh tế tư nhân.

Từ khóa: doanh nghiệp tư nhân, phát triển kinh tế, thể chế.

The Fifth Conference of the 12th Party Central Committee issued Resolution No.10-NQ/TW on developing the private sector to become an important driving force of the socialist-oriented market economy. After nearly forty years of Doi Moi, Vietnam's private sector has increasingly shown its important role in the economy in terms of the number and scale, contribution to GDP, job creation, and large corporations. Currently, the private sector is, however, still underdeveloped below its potential. There are many barriers preventing the development of this sector. The article analyzes the position and role of the private sector in the transition to socialism and proposes some perspectives to enhance the role of the private sector.

Keywords: private enterprise, economic development, institution.

1. Đặt vấn đề

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế... kinh tế tư nhân là động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Từ một thành phần kinh tế không được thừa nhận trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, vai trò và vị thế của kinh tế tư nhân ngày càng được nâng lên song hành cùng với những đổi mới trong tư duy của Đảng về xây dựng nền kinh tế thị trường định

Bùi Quang Tuấn, PGS.TS.; Lý Hoàng Mai, TS.,
Viện Kinh tế Việt Nam.

hướng xã hội chủ nghĩa. Những thành công của công cuộc đổi mới đã cho thấy sức sống mãnh liệt của thành phần kinh tế tư nhân. Phát triển kinh tế tư nhân chính là cách thức để Việt Nam thực hiện thành công những mục tiêu đặt ra trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Kinh tế tư nhân và vị trí của thành phần kinh tế tư nhân

2.1. Kinh tế tư nhân

Trong kinh tế học, thành phần kinh tế tư nhân được xác định là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân do các nhóm tư nhân hoặc do cá nhân điều hành; nói đến các doanh nghiệp tư nhân là nói đến các doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận và không chịu sự điều hành trực tiếp của nhà nước.

Trotman-Dickenson (1996) đã luận giải về các khu vực sở hữu của nền kinh tế, theo đó nền kinh tế được phân chia theo sáu nhóm chủ thể và gồm có ba khu vực chính là: khu vực tư nhân bao gồm hộ gia đình và doanh nghiệp; khu vực nhà nước gồm nhà nước trung ương, nhà nước địa phương, các ngành công nghiệp của quốc gia; khu vực kinh tế nước ngoài.

Khái niệm thành phần kinh tế tư nhân có thể được tiếp cận trên nhiều góc độ khác nhau, song nếu xét trên phạm vi nền kinh tế của một nước, nền kinh tế sẽ được chia thành hai khu vực: khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế nhà nước. Việc phân chia nền kinh tế thành hai khu vực nêu trên được dựa trên một hoặc ba tiêu chí gồm: chủ sở hữu tài sản, hình thức quản lý và nguồn tài chính (Foreit, 1992).

Nếu dựa theo tiêu chí chủ tài sản để phân chia, khu vực kinh tế tư nhân là toàn bộ thành phần kinh tế không thuộc sở hữu nhà nước.

Nếu phân theo hình thức quản lý, khu vực kinh tế tư nhân là một bộ phận của nền kinh tế do tư nhân quản lý.

Nếu phân theo nguồn tài chính, khu vực kinh tế tư nhân là một cấu phần của nền

kinh tế hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận thông qua việc sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thương mại hóa.

Ở Việt Nam, khu vực kinh tế tư nhân được phân loại theo hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư nhân.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX (2001) đã xác định các hình thức sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gồm ba hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân; thừa nhận ba hình thức sở hữu này là nhân tố dẫn đến việc hình thành nền kinh tế gồm nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp. Tiếp theo, tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX đã ban hành Nghị quyết 14/NQ-TW về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, trong đó khái niệm kinh tế tư nhân được giải thích rõ ràng cụ thể hơn gồm: “Kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân đã phát triển rộng khắp trong cả nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002).

2.2. Vị trí của thành phần kinh tế tư nhân trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế có vị trí quan trọng trong giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, lập luận này dựa trên những cơ sở lý luận sau:

Thứ nhất, tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Theo lý luận của Chủ nghĩa Mác về hình thái kinh tế xã hội, hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa cộng sản sẽ thay thế cho hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa và giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa xã hội.

Mục tiêu cao đẹp mà chủ nghĩa xã hội hướng tới là giải phóng xã hội, giải phóng

con người thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, bóc lột, bóc lột, xây dựng một xã hội mà trong đó quyền tự do, bình đẳng của con người được tôn trọng và thực thi; Mác và Ăngghen đã nêu rõ trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản: “Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người” (Mác và Ăngghen, 1995: tập 4, tr. 628). Mục tiêu nêu trên là sự khác biệt về chất giữa chủ nghĩa xã hội với các hình thái kinh tế - xã hội khác mà xã hội loài người đã trải qua. Nó thể hiện bản chất nhân văn, nhân đạo hướng đến con người, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Để thực hiện được mục tiêu này, phải có những điều kiện vật chất nhất định, đó là trình độ phát triển rất cao của lực lượng sản xuất, quan hệ tổ chức quản lý hiệu quả và năng suất lao động cao. Tương ứng với một lực lượng sản xuất phát triển rất cao là một quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, phân phối chủ yếu theo yêu cầu lao động.

Nhìn lại thực tiễn lịch sử của Việt Nam có thể thấy, chúng ta bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một xuất phát điểm rất thấp, nền kinh tế chưa đạt được những điều kiện vật chất để chuyển ngay sang chủ nghĩa xã hội do phải hàn gắn vết thương của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, quan hệ sản xuất vẫn là thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, lực lượng sản xuất thấp kém. Kinh tế Việt Nam chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chưa có văn minh thương nghiệp và văn minh công nghiệp. Hoàn cảnh lịch sử này đòi hỏi chúng ta không được chủ quan nóng vội tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chưa thể xây dựng một quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất khi mà lực lượng sản xuất còn kém phát triển. Đúng như Ăngghen đã nhận định về chủ nghĩa xã hội,

không thể lập tức thủ tiêu ngay chế độ tư hữu: “Không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng nền kinh tế công hữu... sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần và chỉ khi nào đã tạo nên một khối lượng tư liệu cần thiết cho việc cải tạo đó là khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu” (Mác và Ăngghen, 1995: tập 4, tr. 469). Vì vậy, giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu khách quan của lịch sử để Việt Nam tiến đến chủ nghĩa xã hội thành công. Trong thời kỳ quá độ phải tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân là một thành phần kinh tế có vị trí quan trọng.

Thứ hai, sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân tạo ra những động lực để phát triển kinh tế.

Trong lịch sử phát triển kinh tế của xã hội loài người nói chung và phương thức sản xuất tư của chủ nghĩa tư bản nói riêng có thể thấy, sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất luôn tạo ra những động lực mạnh mẽ để mỗi cá nhân đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

Adam Smith người khai sinh ra lý luận về kinh tế thị trường với lý thuyết “bàn tay vô hình” đã cho rằng, lợi ích cá nhân là động lực tạo ra lợi ích xã hội; theo ông, xã hội là sự liên minh của những quan hệ trao đổi, thiên hướng trao đổi là đặc tính vốn có của con người, con người từ khi sinh ra, theo bản năng đã muốn có được lợi ích cho cá nhân mình: “Hãy đưa cho tôi cái mà tôi cần, tôi sẽ đưa cho anh cái mà anh cần” (Trần Bình Trọng, 2013). Khi tiến hành trao đổi sản phẩm lao động cho nhau, con người bị chi phối bởi lợi ích cá nhân của mình. Lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp chi phối người ta hoạt động trao đổi. Nhưng khi chạy theo tư lợi, con người kinh tế còn chịu sự tác động của “bàn tay vô hình”, khi theo đuổi lợi ích cá nhân, con người kinh tế thực hiện một nhiệm vụ không nằm trong dự kiến đó là đáp ứng được lợi ích chung của xã hội.

Chủ nghĩa Mác khi phân tích sự hình thành kinh tế hàng hóa - tiền đề cho sự ra đời kinh tế thị trường hiện đại ngày nay đã dựa trên hai điều kiện: phân công lao động xã hội và sở hữu tư nhân, phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là lao động tư nhân và lao động xã hội. Chính tính chất này đã làm cho sản phẩm của lao động có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng. Xuất phát từ bản chất của quan hệ giá trị và sự vận động chuyển hóa của giá trị trong cơ chế thị trường, chủ thể tư nhân là điều kiện tiên quyết của kinh tế thị trường. Các hàng hóa được sản xuất ra trong những điều kiện khác nhau nên có giá trị cá biệt khác nhau, nhưng trên thị trường tất cả các hàng hóa đều phải trao đổi theo giá trị xã hội. Vì thế, người sản xuất nào có giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội sẽ ở vào thế có lợi. Do đó, để tồn tại và đứng vững trong cạnh tranh, những người sản xuất buộc phải giảm hao phí lao động cá biệt tới mức tối thiểu bằng cách áp dụng kỹ thuật mới, công nghệ mới vào sản xuất. Nhờ đó kích thích sự phát triển của khoa học, công nghệ và sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Mác cũng cho rằng, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, mục đích của sản xuất hàng hóa không chỉ là sản xuất ra giá trị sử dụng, mà thông qua sản xuất giá trị sử dụng để thực hiện giá trị của hàng hóa nhằm đạt được giá trị thặng dư, lợi nhuận. Lợi nhuận chính là động cơ, động lực mạnh mẽ khiến cho chủ nghĩa tư bản không ngừng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất bằng cách nâng cao trình độ phát triển của khoa học, công nghệ để thu được giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch.

Đối với các hệ thống kinh tế, lợi ích kinh tế có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, chi phối mọi hoạt động kinh tế, tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Tạo động lực cho cá nhân trong xã hội có hai hình thức là tạo

động lực vật chất và động lực tinh thần, nhưng xét cho cùng những động lực về vật chất mới là động lực chủ yếu thúc đẩy kinh tế phát triển. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã không thừa nhận động lực lợi ích cá nhân, không đánh giá cao vị trí của kinh tế tư nhân mà chỉ nhấn mạnh đến lợi ích tập thể. Điều này đã làm thui chột sự đổi mới, sáng tạo, tính năng động của các chủ thể kinh tế.

Thừa nhận lợi ích kinh tế, coi lợi ích kinh tế là một động lực của sự phát triển, chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường chính là sự chuyển đổi có ý nghĩa quyết định để công cuộc đổi mới gặt hái được nhiều thành công.

Thứ ba, thành phần kinh tế tư nhân là chủ thể quan trọng của nền kinh tế thị trường hiện đại.

Dấu hiệu đặc trưng của cơ chế thị trường là cơ chế hình thành giá cả một cách tự do. Người bán, người mua thông qua thị trường để xác định giá cả của hàng hóa, dịch vụ.

Cơ chế thị trường vận hành nền kinh tế một cách khách quan, được Adam Smith ví như là một bàn tay vô hình có khả năng tự điều chỉnh các quan hệ kinh tế.

Kinh tế thị trường có sự tương thích rất cao với cơ chế thị trường, đặc biệt là tính chất mở cửa của nền kinh tế thị trường hiện đại ngày càng tăng, sự hợp tác và cạnh tranh quốc tế đòi hỏi các chủ thể kinh tế phải rất linh hoạt và tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, điều này kinh tế thị trường có ưu thế hơn kinh tế nhà nước.

Từ những vấn đề lý luận nêu trên có thể thấy, thành phần kinh tế tư nhân có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Do vậy, Nhà nước cần thiết lập khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy kinh tế tư nhân thể hiện được vai trò của mình.

3. Vai trò của thành phần kinh tế tư nhân

Một là, thành phần kinh tế tư nhân là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế thị trường hiện đại.

Mặc dù quy mô của khu vực kinh tế tư nhân có thể khác nhau trong các mô hình kinh tế thị trường khác nhau song có thể khẳng định, kinh tế tư nhân là chủ thể quan trọng nhất của nền kinh tế thị trường hiện đại.

Cơ chế thị trường thông qua hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân đề huy động, phân bổ hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và phát triển. Trong nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập sâu rộng như hiện nay, quốc gia nào có thành phần kinh tế tư nhân tham gia nhiều nhất, đầy đủ và sâu sắc nhất vào chuỗi giá trị toàn cầu, quốc gia đó càng có ưu thế trong cạnh tranh. Nghiên cứu của ADB (2007) đã chỉ ra rằng, khu vực kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, là nền tảng cho tăng trưởng, phát triển thịnh vượng cho các quốc gia.

Hai là, kinh tế tư nhân tạo ra việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy tăng trưởng bao trùm.

Khu vực kinh tế tư nhân ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập quốc gia, tạo ra nhiều việc làm mới cho nền kinh tế thông qua việc sử dụng nhiều lao động. Một nghiên cứu của World Bank (2004) đã chỉ ra rằng, khoảng 90% việc làm tại các quốc gia đang phát triển là do khu vực kinh tế tư nhân tạo ra.

Khu vực kinh tế tư nhân góp phần xóa đói giảm nghèo thông qua các kênh tác động khác nhau (UN Millenniumproject, 2005).

Qua kênh lao động, khu vực kinh tế tư nhân góp phần giảm nghèo, tăng thu nhập qua việc tăng năng suất lao động, gia tăng cơ hội việc làm, tăng khả năng đàm phán cho người lao động để tăng lương.

Qua kênh doanh nghiệp, bằng việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ thiết yếu với quy mô lớn, khu vực kinh tế tư nhân giúp giảm giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu, tăng thu nhập thực tế cho người nghèo.

Ba là, khu vực kinh tế tư nhân góp phần cung ứng dịch vụ công, nâng cao chất lượng thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh.

Qua kênh nhà nước, doanh nghiệp sẽ phát triển và tạo ra nguồn thu ngân sách lớn hơn để mở rộng cung cấp dịch vụ công và phân phối lại thu nhập cho người dân.

Ngay từ những năm 1990, cùng với việc đẩy mạnh mô hình hợp tác công - tư, kinh tế tư nhân ngày càng có vai trò quan trọng trong việc cung ứng dịch vụ công thiết yếu cho nền kinh tế như cơ sở hạ tầng (vận chuyển, viễn thông, nước, năng lượng, y tế, giáo dục và tài chính).

Hiện nay, tại các nước phát triển, khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng lớn trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Đầu tư tư nhân chiếm khoảng hai phần ba tổng vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở các quốc gia thành viên cũ của EU và một nửa tổng vốn đầu tư tại các quốc gia thành viên mới. Ở Anh, khoảng 70% kết cấu hạ tầng kinh tế được tài trợ bởi khu vực tư nhân. Ở các quốc gia đang phát triển và những nền kinh tế chuyển đổi, nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 2010 - 2020 chiếm khoảng 6,6% GDP của các nền kinh tế, trong đó có 20% được huy động từ khu vực kinh tế tư nhân (ADB, 2016).

Bốn là, kinh tế tư nhân ngày càng có vai trò quan trọng trong công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

Trước thời kỳ Đổi mới, sở hữu tư nhân ở Việt Nam bị phủ nhận, Nhà nước chỉ công nhận hai hình thức sở hữu trong nền kinh tế là: sở hữu nhà nước (quốc doanh) và sở hữu tập thể (hợp tác xã). Chính vì vậy mà thành phần kinh tế tư nhân không được coi trọng và thuật ngữ kinh tế tư nhân không được nhắc đến trong các văn kiện Đại hội Đảng với tư cách là một thành phần kinh tế.

Cùng với bước chuyển đầu tiên của Đại hội VI (năm 1986) thừa nhận kinh tế thị trường, thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, Đảng cũng đã từng bước hoàn thiện quan điểm của mình về kinh tế tư nhân. Thuật ngữ kinh tế tư nhân được chính thức sử dụng từ Hội nghị lần thứ sáu Trung

ương Đảng khóa IV (tháng 3-1989). Cùng với việc ban hành những khung khổ pháp lý đầu tiên cho việc hình thành khu vực tư nhân là Luật Công ty (1990) và Luật Doanh nghiệp tư nhân (1990), nội hàm về kinh tế tư nhân trong các Văn kiện của Đảng ngày càng được mở rộng.

Năm 2006, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, trong Văn kiện của Đảng, khu vực tư nhân được thừa nhận là một trong những động lực của nền kinh tế, Nhà nước xóa bỏ mọi phân biệt đối xử với kinh tế tư nhân: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế... Nhà nước xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu...” (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2008).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011) của Đảng tiếp tục xác định phải hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế.

Văn kiện Đại hội XII (2016) mở rộng thêm yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp: “Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Đại hội XIII (2021) của Đảng tiếp tục khẳng định cần hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động để: “Phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Qua gần 40 năm Đổi mới, nhờ những thay đổi trong tư duy của Đảng và sự điều chỉnh trong các chính sách của Nhà nước, thành phần kinh tế thị trường ngày càng khởi sắc và khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế, cụ thể:

Thứ nhất, kinh tế tư nhân đã có sự tăng trưởng về số lượng và quy mô so với giai đoạn trước.

Số lượng doanh nghiệp tư nhân đã có sự gia tăng đáng kể qua các giai đoạn, đặc biệt trong các năm gần đây. Giai đoạn 2011 - 2020, đã có hơn 1.035 nghìn doanh nghiệp được đăng ký thành lập mới, gấp gần hai lần số doanh nghiệp thành lập mới trong 20 năm (1991 - 2010). Số doanh nghiệp khu vực tư nhân đang hoạt động cũng tăng mạnh, từ hơn 312 nghìn doanh nghiệp (năm 2011) lên trên 660 nghìn doanh nghiệp (năm 2020); so với giai đoạn 2011 - 2015, số lượng doanh nghiệp hoạt động tăng 160,7%, số lao động tăng 125,2%, nguồn vốn tăng 235,5%, tài sản cố định và đầu tư dài hạn tăng 254,0% (Nguyễn Thị Luyến, 2023).

Thứ hai, kinh tế tư nhân đóng góp lớn cho GDP của nền kinh tế.

Kinh tế tư nhân luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, nhiều sản phẩm, dịch vụ trong nền kinh tế do kinh tế tư nhân cung cấp với một tỷ trọng lớn. GDP của khu vực tư nhân luôn chiếm khoảng 50% so với tổng GDP của toàn nền kinh tế (năm 2015 là 50,63%, năm 2019 là 50,6% và năm 2022 là 50,04%).

Thứ ba, vốn đầu tư của kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn đầu tư của toàn xã hội.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư toàn xã hội của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng tăng lên và chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội (năm 2015 mới chỉ chiếm khoảng 50,2% thì năm 2019 chiếm 58,3%, năm 2020 là 57,3%, năm 2021 là 59,5%).

Giai đoạn 2011 - 2020, vốn đầu tư của kinh tế tư nhân đã tăng từ 547 nghìn tỷ đồng (47%) tăng lên 1.605 nghìn tỷ đồng (57,3%) (Nguyễn Thị Luyến, 2023). Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã tham gia vào những công trình có quy mô lớn trên cả nước như sân bay Vân Đồn, hầm đường bộ Hải Vân, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cầu Bạch Đằng...

Thứ tư, kinh tế tư nhân góp phần tạo việc làm trong nền kinh tế.

Theo số liệu thống kê, năm 2020, doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân giải quyết việc làm cho 8,6 triệu lao động, chiếm 58,84% tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp (Phí Thị Hồng Linh, 2023).

Thứ năm, một số doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

Kinh tế tư nhân đã phát triển bao phủ rộng trong các lĩnh vực của nền kinh tế. Một số doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã vươn lên thành những tập đoàn lớn.

Trong số 100 tập đoàn, công ty lớn nhất Việt Nam năm 2022 (theo Vietnam Report), có đến 44 doanh nghiệp tư nhân; trong mười công ty lớn nhất cả nước có sự xuất hiện của Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn Vingroup và Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động; trên thị trường chứng khoán, nhiều doanh nghiệp tư nhân đã đạt mức vốn hóa trị giá tỷ đôla Mỹ.

Ngày 30-6-2021, HoSE ghi nhận bốn doanh nghiệp có mức vốn hóa trên 10 tỷ USD, trong đó có ba doanh nghiệp từ khu vực kinh tế tư nhân, đó là Tập đoàn Vingroup, Công ty Vinhomes và Tập đoàn Hòa Phát. Nhiều tập đoàn tư nhân đã vươn tầm ra thị trường thế giới, từng bước khẳng định được vị trí trên thị trường quốc tế như Vingroup, Vietjet, Trường Hải, Masan, TH... Hiện nay ở Việt Nam có sáu doanh nghiệp tư nhân lọt vào nhóm 200 công ty niêm yết hoạt động hàng đầu khu vực Châu Á với doanh thu từ một tỷ USD trở lên.

Mặc dù ngày càng khẳng định được vai trò là một thành phần kinh tế quan trọng của nền kinh tế nhưng hiện nay kinh tế tư nhân Việt Nam vẫn đang gặp phải một số rào cản trong quá trình phát triển:

Một là, quản trị doanh nghiệp của khu vực tư nhân còn nhiều yếu kém.

Theo đánh giá của VCCI năm 2016, quản trị công ty ở Việt Nam vẫn còn nhiều điểm

hạn chế và yếu kém. Khái niệm “quản trị công ty” vẫn còn là điều rất mới mẻ với nhiều doanh nghiệp tư nhân, nhiều lãnh đạo doanh nghiệp lẫn lộn giữa quản trị công ty với quản lý tác nghiệp, điều này đã làm cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp gặp những hạn chế. Doanh nghiệp lúng túng và chậm phản ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh, sự yếu kém về quản trị cũng làm cho doanh nghiệp Việt Nam “chậm lớn”, đông về số lượng nhưng yếu kém về chất lượng. Kém công khai và không minh bạch đang là một trong số các vấn đề lớn của quản trị công ty hiện nay ở Việt Nam. Chủ sở hữu, các cổ đông nhiều khi không nhận được một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ các thông tin cơ bản về doanh nghiệp.

Hai là, quy mô của khu vực tư nhân có xu hướng ngày càng nhỏ đi về vốn và lao động.

Kinh tế tư nhân có xu hướng “quan ngại” khi ngày càng nhỏ đi cả về quy mô vốn và lao động. Sau gần 40 năm đổi mới kinh tế, Việt Nam vẫn chưa có được một thể hệ các doanh nghiệp ngang tầm với khu vực và trên thế giới. Theo Niên giám Thống kê năm 2021, gần 73% doanh nghiệp tư nhân có quy mô dưới mười tỷ đồng và gần 81% doanh nghiệp tư nhân có dưới mười lao động. Khu vực tư nhân vẫn hướng vào thị trường trong nước là chủ yếu, xuất khẩu vẫn lệ thuộc vào khu vực FDI chiếm tới hơn 72% kim ngạch xuất khẩu.

Ba là, năng suất lao động của khu vực tư nhân khá thấp.

Năng suất lao động của kinh tế tư nhân thấp đã tạo ra những rào cản trong việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bình quân giai đoạn 2016 - 2020, số doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh chiếm đến 96,7% tổng số doanh nghiệp, nhưng năng suất lao động theo giá so sánh năm 2010 của khu vực kinh tế này thấp nhất, chỉ bằng 29,1% năng suất lao động của khu vực FDI và bằng 24,6% năng suất lao động khu vực kinh tế nhà nước (Nguyễn Thị Luyến, 2023).

Bốn là, khâu thi hành luật của Việt Nam vẫn còn nhiều vướng mắc, tính minh bạch của môi trường kinh doanh chưa cao.

Mặc dù Nhà nước đã có nhiều nỗ lực điều chỉnh chính sách để thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhưng ở khâu “thi hành luật” khu vực tư nhân vẫn còn gặp nhiều rào cản. Theo báo cáo năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2021, 55% doanh nghiệp cho rằng “Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức”; 57% doanh nghiệp cho biết hiện tượng những nhiễu vẫn diễn ra khi cán bộ cơ quan nhà nước địa phương giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp; 50% doanh nghiệp cho rằng phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ quản lý thị trường; 71% doanh nghiệp trả lời cho rằng phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra, kiểm tra xây dựng... Kết quả điều tra PCI - FDI cho thấy, có tới 21,1% doanh nghiệp FDI phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục đất đai, tăng gần gấp đôi so với con số 10,3% của năm 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết được giải quyết công việc như mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức lên tới 60,4% (VCCI, 2021).

Đánh giá Dữ liệu Chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) năm 2021, chỉ số chất lượng xây dựng pháp luật (Regulatory quality) của Việt Nam đứng thứ 131 trong 210 nước, vùng lãnh thổ có dữ liệu và đứng thứ bảy trong khối ASEAN; chỉ số hiệu lực thực thi pháp luật (Rule of Law) của Việt Nam đứng thứ 108 trong 209 nước, vùng lãnh thổ và đứng thứ năm trong khối ASEAN.

4. Một số đề xuất để nâng cao vai trò của thành phần kinh tế tư nhân

Để cho thành phần kinh tế tư nhân phát huy được hết tiềm năng và thế mạnh, ngày càng thể hiện được vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế, giữa doanh nghiệp và Nhà nước cần có mối quan hệ hai chiều.

Về phía Nhà nước: Với tư cách là người tạo ra các “luật chơi” và “cách chơi” (cơ

chế/chế tài thực thi) cho các “người chơi” trong nền kinh tế thị trường, cần tạo dựng được các thể chế hỗ trợ cho các khiếm khuyết của các thể chế thị trường và tham gia tích cực vào việc xây dựng các thiết chế và luật chơi cần thiết theo hướng dung hợp cho các chủ thể tham gia thị trường.

Nhà nước cần thiết lập một môi trường cạnh tranh lành mạnh và công bằng cho các chủ thể kinh doanh. Muốn vậy, Nhà nước cần phải điều chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng không có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, giảm bớt và tiến tới xóa bỏ các ưu đãi đối với khu vực kinh tế nhà nước, tăng cường tính hiệu quả, hiệu lực của việc thực thi pháp luật. Bên cạnh đó cần tạo ra những cơ chế để khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp công nghệ, hỗ trợ về vốn, hạ tầng kinh tế để doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng suất lao động, đầu tư nhiều hơn cho khoa học, công nghệ để phát triển theo chiều sâu.

Về phía doanh nghiệp: Với vai trò là “người chơi” trong nền kinh tế thị trường, cần phải chơi một cách “minh bạch” và “đúng luật”. Hiện nay, vẫn còn tồn tại tình trạng một số chủ doanh nghiệp tư nhân cố tình vi phạm pháp luật, làm những việc phi pháp như làm hàng giả, làm ăn gian lận, trốn thuế, không công khai minh bạch các hoạt động kinh doanh của mình... gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước nói riêng và cho xã hội nói chung.

Các doanh nghiệp tư nhân cần đổi mới tư duy kinh doanh, không nên làm ăn chộp giật và chỉ nghĩ đến lợi ích trước mắt; nên có một “tầm nhìn vươn tầm ra thế giới” bằng cách ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, coi khoa học và công nghệ là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững. Doanh nghiệp cần xây dựng chuỗi liên kết về khoa học và công nghệ giữa các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài để

phát triển. Dành một phần lớn trong tổng doanh thu để đổi mới dây chuyền sản xuất và triển khai các hoạt động R&D.

Các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam cần phải xây dựng cho mình ý thức tự vươn lên để nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng cho mình đạo đức nghề nghiệp để giữ được uy tín trong kinh doanh.

Nếu như doanh nghiệp nào cũng ý thức được rằng, khi thực hiện các hành vi kinh doanh ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật còn cần phải có bốn phẩm chất thực, công bằng và chính đáng, luôn luôn “tránh làm hại tới người khác”, sân chơi của nền kinh tế thị trường sẽ là một sân chơi đẹp, trong đó các doanh nghiệp cùng nhau hợp tác và ngày một phát triển.

5. Kết luận

Vị trí, vai trò quan trọng của thành phần kinh tế tư nhân ngày càng được khẳng định qua gần 40 năm đổi mới kinh tế của đất nước. Trong bối cảnh mới của nền kinh tế đã hội nhập sâu rộng, đất nước đang muốn về đích nhanh hơn những mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những sự hỗ trợ về thể chế của Nhà nước cho kinh tế tư nhân như tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, bình đẳng cho các thành phần kinh tế, giúp kinh tế tư nhân tháo gỡ những khó khăn về vốn, khoa học, công nghệ..., bản thân các doanh nghiệp tư nhân cũng phải chủ động tự vươn lên, chủ động đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ để phát triển và vươn tầm lên những nấc thang cao hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. ADB (2007), *Measuring performance in private sector development*, ISBN: 971-561-600-3 Publication Stock No.110205.
2. ADB (2016), *Private sector assessment: people's Republic of China*, Publication Stock No. 091003.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 49.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, tập 1, tr. 118 và tr. 128-129.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 55-57.
6. Foreit K.G. (1992), ‘Private sector approaches to effective family planning’, *World Bank Working Paper*, No WPS 0940.
7. Nguyễn Thị Luyến (2023), “Những điểm nhấn trong phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam giai đoạn đổi mới”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia *Kinh tế Việt Nam qua 50 năm thống nhất xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hội đồng lý luận Trung ương tháng 3-2023, tr. 136-137.
8. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2008), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)*, tr. 635.
9. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật (1995), *C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập*, tập 4.
10. Phí Thị Hồng Linh (2023), “Doanh nghiệp tư nhân và mối quan hệ với các doanh nghiệp khu vực kinh tế khác trong nền kinh tế đa thành phần sở hữu ở Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia *Cơ sở khoa học phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam trong định hướng và tầm nhìn mới*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, tr. 210.
11. Trần Bình Trọng (2013), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, tr. 72.
12. Trotman-Dickenson D.I. (1996), *Economics of the public sector*, Macmillan.
13. UN Millenniumproject (2005), *Investing in development: a practical plan to achieve the millennium development goals*.
14. VCCI (2021), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI) 2021*, tr. 204.
15. World Bank (2004), *World development report 2004: a better investment climate for everyone*, World bank 2004.

Ngày nhận bài : 14-02-2023

Ngày nhận bản sửa : 20-02-2023

Ngày duyệt đăng : 21-02-2023